TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2017
"*V/v Xin ly hôn và nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K – KIÊN LƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: **1**. Ông **Trương Thanh Giảng**

2. Bà **Trần Thanh Đậm**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Hứa Quốc Cường –** Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên toà:* Ông **Thái Xuân Nguyên** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2017/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp "*Xin ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2017/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn*:* Chị **P** – sinh năm 1980 (có mặt).

Chỗ ở hiện nay: ấp C, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **S –** sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 24, khu phố N, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2017 và các lời khai tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị P trình bày: Chị cùng anh S chung sống với nhau từ năm 1997, không có đăng ký kết hôn, có chung với nhau 03 đứa con 1/ K sinh ngày- 03/11/2001, 2/ L - sinh ngày 02/11/1998, 3/ B - sinh ngày 26/04/2009. Từ năm 2015 đến nay anh S và chị P đã không chung sống với nhau nữa, mối quan hệ vợ chồng không còn, vợ chồng chị đã thỏa thuận cùng nhau ra tòa ly hôn để khỏi

phải ràng buộc nhau, trả lại tự do cho nhau. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh S;

- Về con chung: Yêu cầu được nuôi dưỡng 01 người con chung tên B- sinh ngày 26/04/2009 và không cầu anh S cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/8/2017 và lời khai tại phiên tòa bị đơn anh S trình bày: Anh S thống nhất theo lời trình bày của chị P là hai người chung sống với nhau từ năm 1997 đến nay nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Về con chung có 03 đứa con 1/ K- sinh ngày 03/11/2001, 2/ L - sinh ngày 02/11/1998, 3/ B - sinh ngày 26/04/2009. Quá trình chung sống hai người cũng không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng thời gian gần đây chị Phường thường cự cãi, không chăm lo cho gia đình, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và hai người đã không sống chung từ hơn 01 năm nay. Nay chị P khởi kiện xin ly hôn thì anh S có ý kiến:

- Về hôn nhân: Anh S đồng ý ly hôn với chị P;

- Về con chung: Anh S đồng ý giao cháu B cho chị P nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu, còn bản thân anh S yêu cầu nuôi dưỡng cả 03 người con và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Sau này nếu chị P có chồng khác thì phải giao cháu B về cho anh S nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

Phát biểu của Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã thực hiện đầy đủ và đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tranh chấp: Đây là tranh chấp xin ly hôn nên cần áp dụng Luật hôn nhân và đình năm 2014 để giải quyết.

[2]Về hôn nhân: Chị P và anh S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997 đến nay nhưng không có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó hôn nhân của chị P và anh S không hợp pháp do đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định như sau:

"*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.*

Nay chị P có yêu cầu ly hôn thì Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị P và anh S.

[3]Về con chung: Có 03 người con chung 1/ K - sinh ngày 03/11/2001, 2/ L - sinh ngày 02/11/1998, 3/ B - sinh ngày 26/04/2009. Theo nguyện vọng của cháu B là muốn sống với chị P còn cháu K và cháu L có nguyện vọng muốn sống chung với anh S. Cả chị P và anh S đều thống nhất theo nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử ghi nhận giao cháu B cho chị P chăm sóc nuôi dưỡng, giao hai cháu còn lại là K và L cho anh S chăm sóc nuôi dưỡng. Cả chị P và anh S đều không yêu cầu bên còn lại phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4]Về tài sản chung: Chị P và anh S thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5]Về nợ chung: Chị P và anh S thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6]Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là **300.000** đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) do chị P yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001692 ngày 09/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K (đã thực hiện xong).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố quan hệ giữa chị P và anh S không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu B - sinh ngày 26/04/2009 cho chị P nuôi dưỡng, giao cháu K - sinh ngày 03/11/2001 và cháu L - sinh ngày 02/11/1998 cho anh S nuôi dưỡng. Chị P, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom và chăm sóc con chung.

Bảo lưu quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Căn cứ vào điều 144, Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001692 ngày 09/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K (đã thực hiện xong).

3. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/9/2017).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Thi Hành Án DS h. K;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, hồ sơ
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tuyết Minh